|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP&PTNT  **CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 21/BC7N-BVTV |  |

**BÁO CÁO  
Tình hình sinh vật gây hại cây trồng**

*(Từ ngày 17 đến ngày 23 tháng 5 năm 2024)*

**I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG**

**1. Tình hình thời tiết trong tuần:** Theo Trung tâm Dự báo KT-TV Quốc gia.

***1.1. Các tỉnh Bắc Bộ***

Nhiệt độ: Trung bình: 27,3 0C; Cao nhất: 35,30C; Thấp nhất: 20 0C;

Độ ẩm: Trung bình: 81,9 %; Cao nhất: 88,3 %; Thấp nhất: 72,1%.

- Nhận xét: Trong kỳ, mây thay đổi đến nhiều mây, có mưa rào và dông rải rác, cục bộ có mưa to đến rất to.

- Dự báo trong tuần tới: Từ ngày 24-25/5 chiều tối và đêm có mưa rào và dông rải rác, cục bộ có mưa to, ngày nắng. Từ ngày 26-27/5, chiều tối và đêm có mưa rào và dông vài nơi, ngày nắng. Từ ngày 28/5-30/5, có mưa, mưa vừa đến mưa to, có nơi mưa rất to và dông.

***1.2. Các tỉnh Bắc Trung Bộ***

Nhiệt độ: Trung bình: 28,4 0C; Cao nhất: 38,9 0C; Thấp nhất: 23,4 0C;

Độ ẩm: Trung bình: 82,6 %; Cao nhất: 90,9 %; Thấp nhất: 70,3%.

- Nhận xét: Đầu kỳ trời nắng, chiều tối và đêm có mưa rào và dông vài nơi. Cuối kỳ có mưa rào và dông, cục bộ có mưa to (thời gian mưa tập trung vào chiều tối và đêm). Trong cơn dông đề phòng lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh.

- Dự báo trong tuần tới: Ngày 24/5, chiều tối và đêm có mưa rào và dông rải rác, cục bộ có mưa to. Từ ngày 25-28/5, chiều tối và đêm có mưa rào và dông vài nơi, ngày nắng, có nơi nắng nóng; riêng từ ngày 26-28/5 có khả năng xảy ra nắng nóng diện rộng. Từ chiều tối và đêm 28/5 đến 30/5, các tỉnh phía Bắc khu vực (Thanh Hóa, Nghệ An) có mưa rào và dông, cục bộ có mưa to.

***1.3. Các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên***

*a) Duyên hải Nam Trung Bộ*

Nhiệt độ: Trung bình: 30,2 0C; Cao nhất: 34,90C; Thấp nhất: 26,9 0C;

Độ ẩm: Trung bình: 72,6 %; Cao nhất: 78,5 %; Thấp nhất: 68,8%.

*b) Tây Nguyên*

Nhiệt độ: Trung bình: 24,3 0C; Cao nhất: 35,2 0C; Thấp nhất: 17,30C;

Độ ẩm: Trung bình: 84,9 %; Cao nhất: 91,0 %; Thấp nhất: 72,1%.

- Nhận xét: Kỳ qua, khu vực Đồng Bằng trời mây thay đổi, chiều và tối có mưa rào rải rác. Tây Nguyên ngày nắng, chiều tối có mưa rào và dông, cục bộ có mưa vừa, mưa to ở nhiều nơi. Nhìn chung, thời tiết thuận lợi cho làm đất gieo sạ lúa Hè Thu chính vụ; lúa Hè Thu sớm, rau màu và một số cây trồng chính khác sinh trưởng phát triển bình thường.

- Dự báo trong tuần tới:

+ Duyên Hải Nam Trung Bộ: Ngày 24/5, chiều tối và đêm có mưa rào và dông rải rác, cục bộ có mưa to, ngày nắng. Từ ngày 25/5-30/5, chiều tối và đêm có mưa rào và dông vài nơi, ngày nắng nóng; riêng từ ngày 26-28/5 có nắng nóng diện rộng.

+ Tây Nguyên: Ngày 24-28/5, chiều tối có mưa rào rải rác và có nơi có dông, riêng các tỉnh khu vực phía Bắc Tây Nguyên ngày 24/5, chiều và tối có mưa rào và dông rải rác, cục bộ có mưa to. Từ ngày 29/5, chiều tối có mưa rào và dông rải rác, cục bộ có mưa to.

***1.4. Các tỉnh Nam Bộ***

Nhiệt độ: Trung bình: 29,6 0C; Cao nhất: 36,6 0C; Thấp nhất: 24,00C;

Độ ẩm: Trung bình: 81,8 %; Cao nhất: 89,5 %; Thấp nhất: 76 %.

- Nhận xét: Thời tiết khu vực Nam Bộ trong kỳ chiều tối và đêm có mưa rào và dông rải rác, cục bộ có mưa to.

- Dự báo trong tuần tới: Ngày nắng, từ 23-28/5 chiều tối và tối có mưa rào rải rác và có nơi có dông; từ ngày 29/5-30/5 chiều và đêm có mưa rào và dông rải rác, cục bộ có mưa vừa, mưa to.

**2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng**

***2.1. Các tỉnh Bắc Bộ***

***a) Cây lúa:***

Lúa Đông Xuân 2023-2024: đã gieo, cấy được **703.533 ha/ 702.276 ha**, đạt 100,18 % so với kế hoạch. Đến ngày 23/5/2024, có **618.053 ha** lúa trỗ, chiếm 87,8 % diện tích. Cụ thể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vụ/ Trà lúa** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| Trà sớm | Chắc xanh – Thu hoạch | 34.670 |
| Trà chính vụ | Phơi màu – Chắc xanh | 280.199 |
| Trà muộn | Trỗ - phơi màu | 388.664 |
| **Tổng cộng (Thực hiện/ Kế hoạch)** | | **703.533/ 702.276** |

***b) Cây trồng khác:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| - Cây ngô Xuân | Phát triển bắp – Thu hoạch | 102.214 |
| - Cây ngô Hè thu | Mới trồng – cây con | 3.214 |
| - Cây ăn quả |  |  |
| + Cây cam, quýt | Phát triển quả | 39.592 |
| + Cây bưởi | Phát triển quả | 36.363 |
| + Cây nhãn | Phát triển quả | 37.750 |
| + Cây vải | Phát triển quả - Thu hoạch | 47.643 |
| - Cây công nghiệp |  |  |
| + Cây chè | Phát triển búp | 85.704 |
| + Cây sắn | Cây con – Phát triển thân lá | 7.450 |
| + Cây cà phê | Phát triển quả – Thu hoạch | 20.468 |
| - Cây lâm nghiệp |  |  |
| + Cây thông | Khai thác nhựa | 366.658 |
| + Cây quế | Kinh doanh | 128.237 |
| + Cây hồi | Kinh doanh | 34.825 |
| + Cây tre, luồng, vầu | Kinh doanh | 4.137 |

***2.2. Các tỉnh Bắc Trung Bộ***

***a, Cây lúa:***

- Lúa Đông Xuân 2023-2024: đã gieo, cấy **347.261 ha/ 345.659 ha**,đạt 100,5% so với kế hoạch. Đến ngày 23/5/2024, đã thu hoạch **294.600 ha** lúa, chiếm 85 % diện tích gieo cấy. Cụ thể:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Vụ/ Trà lúa** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích hiện tại (ha)** | **Diện tích đã thu hoạch (ha)** |
| Trà sớm | Thu hoạch xong | 0 | 96.488 |
| Trà chính vụ | Chín - Thu hoạch | 22.818 | 198.112 |
| Trà muộn | Trỗ - Chín | 29.843 |  |
| **Tổng cộng (Thực hiện/ Kế hoạch)** | | **347.261/ 345.659** | |

- Lúa Hè Thu: Đến ngày 23/5/2024 toàn vùng đã gieo, sạ được **46.875 ha**.

***b*, *Cây trồng khác***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| Cây ngô xuân | Trỗ cờ – PT bắp - Thu hoạch | 48.111 |
| Cây rau | Cây con - Thu hoạch | 27.393 |
| Lạc xuân | Chín - Thu hoạch | 27.105 |
| Cây sắn | Cây con – PT củ | 31.800 |
| Cây mía | Đẻ nhánh | 14.169 |
| Cây dứa | KTCB - KD | 1.815 |
| Cây cam, chanh | KTCB - Quả non | 26.278 |
| Cây cà phê | Phát triển quả | 4.329 |
| Cây cao su | KTCB - KT | 73.573 |
| Cây hồ tiêu | PT quả | 3.614 |
| Cây chè | KTCB - KD | 13.421 |
| Khoai lang | PT củ - TH | 4.016 |
| Cây thông | KTCB – KD | 104.627 |
| Cây keo bạch đàn | KTCB – KD | 436.795 |
| Cây luồng | KTCB – KD | 83.756 |

***2.3. Các tỉnh Duyên Hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên***

***a) Cây lúa***

- Lúa Đông Xuân 2023- 2024: Diện tích đã gieo cấy **326.654** **ha/ 324.964 ha**, đạt 100, 52% so với kế hoạch. Đến ngày 23/5/2024, đã thu hoạch **323.226 ha**, chiếm **99%** diện tích gieo trồng. Cụ thể:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khu vực** | **Trà** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích hiện tại (ha)** | **Diện tích đã thu hoạch (ha)** |
| Đồng Bằng | Sớm | Thu hoạch xong |  | 23.800 |
| Chính vụ | Thu hoạch xong |  | 180.647 |
| Muộn | Thu hoạch xong |  | 27.021 |
| Tây Nguyên | Sớm | Thu hoạch xong |  | 19.242 |
| Chính vụ | Thu hoạch xong |  | 52.846 |
| Muộn | Chín - Thu hoạch | 3.428 | 19.670 |
| **Tổng cộng (Thực hiện/ Kế hoạch)** | | | **326.654/ 324.964** | |

- LúaHè Thu sớm 2024: Diện tích đã gieo cấy **87.662 ha**, sinh trưởng phổ biến giai đoạn Xuống giống – Mạ - Đẻ nhánh, tập trung tại 11/13 tỉnh (Bình Thuận, Ninh Thuận, Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Quảng Nam, Lâm Đồng, Gia Lai, Kon Tum)

***b) Cây trồng khác***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích hiện tại (ha)** |
| Ngô Hè Thu 2024 | | Xuống giống - Cây con - PTTL | 11.226 |
| Đậu Hè Thu 2024 | | Xuống giống - Cây con | 2.495 |
| Lạc Hè Thu 2024 | | Xuống giống - Cây con | 2.427 |
| - Cây rau | | Nhiều giai đoạn | 16.853 |
| - Sắn | |  | ***86.891*** |
| Đồng Bằng | Mùa 2023 | Nuôi củ | 396 |
| ĐX 2023 - 2024 | PTTL - Nuôi củ | 50.205 |
| Hè Thu 2024 | Xuống giống | 2.775 |
| Tây Nguyên | Vụ Mùa 2023 | Nuôi củ | 393 |
| ĐX 2023 - 2024 | PTTL - Nuôi củ | 12.531 |
| Hè Thu 2024 | Xuống giống | 20.590 |
| - Cây ăn quả: | |  |  |
| + Thanh long | | Chăm sóc - Thu hoạch | 27.890 |
| + Sầu riêng | | Quả non - Nuôi quả | 61.888 |
| + Nho | | Chăm sóc - Thu hoạch | 966 |
| + Táo | | Chăm sóc - Thu hoạch | 1.093 |
| + Dừa | | Nhiều giai đoạn | 14.965 |
| + Cây có múi | | Các giai đoạn | 9.573 |
| - Cây công nghiệp: | |  |  |
| + Chè | | Chăm sóc - Thu hoạch | 12.055 |
| + Mía | | Nhiều giai đoạn | 41.957 |
| + Cà phê | | Quả non - Nuôi quả | 663.035 |
| + Tiêu | | Chăm sóc - Phân hóa mầm hoa | 75.795 |
| + Điều | | Chăm sóc sau thu hoạch | 133.025 |
| + Cao su | | Khai thác mủ | 278.275 |

***2.4. Các tỉnh Nam Bộ***

***a) Cây lúa***

Lúa Hè Thu 2024: Đến ngày 23/5/2024, đã gieo sạ **1.069.350 ha/ 1.540.793 ha**, đạt 69,4 % so với kế hoạch; đã thu hoạch **75.165 ha**, chiếm 7 % diện tích gieo trồng. Cụ thể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích gieo cấy (ha)** | **Diện tích đã thu hoạch (ha)** |
| Mạ | 182.407 |  |
| Đẻ nhánh | 327.411 |  |
| Đòng- Trỗ | 346.565 |  |
| Chín | 137.802 |  |
| Thu hoạch |  | 75.165 |
| **Tổng cộng (Thực hiện/ Kế hoạch)** | | **1.069.350/ 1.540.793** |

***b) Cây trồng khác***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| **Cây rau:** | Nhiều giai đoạn | 69.905 |
| **Cây ăn quả:** |  |  |
| + Cây dừa | Nhiều giai đoạn | 173.521 |
| + Cây có múi | Nhiều giai đoạn | 133.176 |
| + Cây xoài | Sinh trưởng | 61.782 |
| + Cây chuối | Nhiều giai đoạn | 48.806 |
| + Cây mít | PTTL, Nuôi quả, Thu hoạch | 58.360 |
| + Cây sầu riêng | Sinh trưởng, TH - Chăm sóc | 63.136 |
| + Cây nhãn | Chăm sóc, PTTL | 27.201 |
| + Cây thanh long | Chăm sóc, PTTL | 19.669 |
| + Cây chôm chôm | Chăm sóc, PTTL | 18.261 |
| **Cây công nghiệp:** |  |  |
| + Cao su | Chăm sóc, PTTL | 519.254 |
| + Điều | Nuôi trái, Thu hoạch | 185.417 |
| + Sắn (Khoai mì) | PTTL, PT củ, Thu hoạch | 61.901 |
| + Tiêu | Sau thu hoạch | 35.289 |
| + Cà phê | Nuôi trái, Thu hoạch | 22.213 |
| + Cây ngô (Bắp) | Nhiều giai đoạn | 22.213 |
| + Cây mía | Mới trồng, PTTL, Đẻ nhánh | 17.393 |

***c) Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng trong vụ***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Vụ** | **Diện tích bị thiệt hại và khắc phục (ha)** | | | | **Nguyên nhân** | | |
| Giảm NS  10-30% | Giảm NS  30-70% | Mất trắng (>70%) | Đã gieo  cấy, dặm lại | Khô hạn (ha) | Ngập úng, đổ ngã  (ha) | Nhiễm mặn (ha) |
| Hè Thu 2024 | 63,3 | 1 | 8 |  |  |  | 72,3 (KG) |
| **Tổng** | **63,3** | **1** | **8** |  |  |  | **72,3** |

Trong vụ Hè Thu 2024 đã có 72,3 ha lúa bị thiệt hại do nhiễm mặn tại tỉnh Kiên Giang (*trong đó mức độ ảnh hưởng <30% là 63,3 ha, 30-70% là 1 ha, >70% là 8 ha).*

Ngoài ra trên cây trồng khác:

+ Cây khoai môn: Bị thiệt hại do nhiễm mặn với diện tích 77,3 ha tại tỉnh Kiên Giang (*trong đó mức độ ảnh hưởng <30% là 14,7 ha, 30-70% là 62,6 ha*).

+ Cây tiêu: Bị ảnh hưởng do khô hạn với diện tích 3,5 ha tại Kiên Giang (*trong đó mức độ ảnh hưởng <30% là 2 ha và 30-70% là 1,5 ha*).

**II. TÌNH HÌNH SVGH CHỦ YẾU**

**2.1. Cây Lúa**

***- Sâu cuốn lá nhỏ*:** Diện tích nhiễm 9.241 ha (giảm 47.173 ha so với kỳ trước, tăng 3.349 ha so với CKNT), trong đó có 810 ha bị nhiễm nặng, tập trung chủ yếu tại các tỉnh Bắc Bộ; phòng trừ trong kỳ 61.083 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Bắc Giang, Nam Định, Quảng Ninh, An Giang, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Tây Ninh, Hậu Giang…;

***- Rầy hại lúa*:** Diện tích nhiễm 27.597 ha (giảm 3.448 ha so với kỳ trước, tăng 23.636 ha so với CKNT), trong đó có 1.713 ha bị nhiễm nặng, tập trung tại các tỉnh Bắc Bộ; phòng trừ trong kỳ 31.875 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Nam Định, Thái Bình, Hà Nam, Hưng Yên, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hà Nội, Ninh Bình, Thanh Hoá, Tiền Giang, Đồng Tháp, Đồng Nai, An Giang, Long An, Hậu Giang…;

***- Bọ phấn (rầy phấn trắng)***: Diện tích nhiễm 798 ha (tăng 22 ha so với tuần trước, tăng 798 ha so với CKNT), phòng trừ trong kỳ 114 ha. Phân bố chủ yếu tại tỉnh: Tiền Giang, Long An, Đồng Tháp, Kiên Giang, An Giang…;

***- Sâu đục thân 2 chấm*:** Diện tích nhiễm 1.229 ha (tăng 208 ha so với kỳ trước, giảm 185 ha so với CKNT), phòng trừ trong kỳ 1.285 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Bắc Giang, Yên Bái, Hà Nội, Khánh Hoà, Bình Định, Hậu Giang, Sóc Trăng, Long An, Bạc Liêu, Tiền Giang, Kiên Giang…;

***- Bệnh đạo ôn:***

***+ Bệnh đạo ôn lá***: Diện tích nhiễm 7.338 ha (tăng 2.793 ha so với kỳ trước, giảm 2.461 ha so với CKNT), phòng trừ trong kỳ 1.876 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Duyên Hải Nam Trung Bộ và Nam Bộ: Bình Thuận, An Giang, Sóc Trăng, Hậu Giang, Vĩnh Long, Long An, Kiên Giang…;

**+ *Bệnh đạo ôn cổ bông*:** Diện tích nhiễm 1.567 ha (tăng 1.428 ha so với kỳ trước, tăng 52 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 4 ha; phòng trừ trong kỳ 51.254 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Thái Bình, Hưng Yên, Thái Nguyên, Hà Nội, Bắc Ninh, Điện Biên, Ninh Bình, Bạc Liêu, Đồng Tháp, Tiền Giang, Kiên Giang, Hậu Giang, Cần Thơ…;

***- Bệnh bạc lá***: Diện tích nhiễm 1.793 ha (giảm 769 ha so với kỳ trước, tăng 652 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 48 ha; phòng trừ trong kỳ 6.867 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Bắc Giang, Bắc Ninh, Điện Biên, Thanh Hoá, Vĩnh Long, Bạc Liêu, Đồng Tháp, An Giang, Tiền Giang, Tây Ninh…;

- ***Bệnh đen lép hạt***: Diện tích nhiễm 2.236 ha (tăng 360 ha so với kỳ trước, giảm 477 ha so với CKNT), phòng trừ trong kỳ 206 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Hà Nội, Bắc Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang, An Giang, Hậu Giang, Tiền Giang, Cần Thơ…;

- ***Bọ trĩ***: Diện tích nhiễm 978 ha (giảm 768 ha so với kỳ trước, giảm 2.381 ha so với CKNT), phòng trừ trong kỳ 360 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Khánh Hoà, Bình Định, Quảng Ngãi, An Giang, Tây Ninh, Đồng Tháp, Sóc Trăng, TP Hồ Chí Minh, Kiên Giang…;

***- Ốc bươu vàng:*** Diện tích nhiễm 8.336 ha (tăng 6.702 ha so với kỳ trước, tăng 23 ha so với CKNT), nhiễm nặng 4 ha; phòng trừ trong kỳ 7.170 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Bình Thuận, Quảng Ngãi, Khánh Hoà, Bình Định, Phú Yên, Bạc Liêu, Long An, TP Hồ Chí Minh, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Đồng Nai…;

***- Chuột:*** Diện tích nhiễm 9.026 ha (tăng 156 ha so với kỳ trước, giảm 2.847 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 112 ha; phòng trừ trong kỳ 1.007 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Thái Bình, Hà Nội, Bắc Giang, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Bình Thuận, Khánh Hoà, Quảng Ngãi, Bình Định, An Giang, Hậu Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Bạc Liêu....;

***- Lúa cỏ:*** Diện tích nhiễm 66 ha (cao hơn 15 ha so với kỳ trước, thấp hơn 192 ha so với CKNT), trong kỳ đã cắt tỉa 20 ha. Phân bố tại các tỉnh: Ninh Bình, Bắc Ninh, Hưng Yên.

***- Châu chấu:*** Diện tích nhiễm 50 ha, đã tổ chức phòng trừ 05 ha. Phân bố tại Cao Bằng.

**Bảng 1: Kết quả giám định virus lùn sọc đen hại lúa Đông Xuân 2023-2024 tại tỉnh Hải Phòng, từ ngày 17- 23/05/2024**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tỉnh** | **Tổng số**  **mẫu test** | **Mẫu lúa** | **Mẫu rầy** | **Dương tính** | | **Dương tính** | | **Địa điểm có mẫu dương tính** | **Ngày test** |
| **Mẫu lúa** | **%** | **Mẫu rầy** | **%** |
| Hải Phòng | 471 | 4 | 467 | 01 | 25,0 | 06 | 1,28 | **Trên rầy:** xã Đông Phương, huyện Kiến Thụy; xã Vinh Quang, huyện Tiên Lãng; xã Cao Minh, huyện Vĩnh Bảo.  **Trên lúa:** xã Ngũ Phúc, huyện Kiến Thụy. | 21/5; 23/5 |
| **Tổng** | 471 | 4 | 467 | **01** | **3,12** | **02** | **1,27** |  |  |

**2.2. Cây ngô**

***Sâu keo mùa thu:*** Diện tích nhiễm 342 ha (tăng 106 ha so với kỳ trước, tăng 28 ha so với CKNT), phòng trừ trong kỳ 326 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Bắc Ninh, Lai Châu, Yên Bái, Nghệ An, Hà Tĩnh, Lâm Đồng, Phú Yên, Đắk Lắk, Đồng Nai …;

**2.3. Cây nhãn**

***Bệnh chổi rồng:***Diện tích nhiễm 379 ha (tăng 02 ha so với kỳ trước, giảm 254 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 37 ha; phòng trừ trong kỳ 39 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Nam: Bình Phước, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Trà Vinh, Tiền Giang, Bến Tre, Tây Ninh, Hậu Giang…;

**2.4. Cây thanh long**

***Bệnh đốm nâu***: Diện tích nhiễm 1.016 ha (tăng 577 ha so với kỳ trước, giảm 1.436 ha so với CKNT), phòng trừ trong kỳ 2.810 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Bình Thuận, Tiền Giang, Long An, Trà Vinh, Bà Rịa -Vũng Tàu, …

**2.5. Cây dừa**

***- Bọ cánh cứng***: Diện tích nhiễm 6.024 ha (giảm 12 ha kỳ trước, giảm 2.143 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 68 ha; phòng trừ trong kỳ 361 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Nam: Bến Tre, Sóc Trăng, Kiên Giang, Tiền Giang, Trà Vinh, Cà Mau, Vĩnh Long, Bạc Liêu, Hậu Giang,…;

***- Sâu đầu đen*** (*Opisina arenosella* Walker): Diện tích nhiễm 568 ha (giảm 12 ha so với kỳ trước, tăng 50 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 21 ha; phòng trừ trong kỳ 2.304 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Nam: Bến Tre, Trà Vinh,Tiền Giang, Sóc Trăng, Vĩnh Long…

**2.6. Cây ăn quả có múi**

**- *Bệnh vàng lá thối rễ:*** Diện tích nhiễm 830 ha (giảm 9 ha so với kỳ trước, giảm 127 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 20 ha; phòng trừ trong kỳ 360 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Tuyên Quang, Hoà Bình, Nghệ An, Hậu Giang, Tiền Giang, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Trà Vinh, Bà Rịa Vũng Tàu…;

***- Bệnh Greening***: Diện tích nhiễm 644 ha (tăng 15 ha so với kỳ trước, giảm 123 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 35 ha, mất trắng 05 ha tại tỉnh Nghệ An; phòng trừ trong kỳ 53 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Nghệ An, Vĩnh Long, Hậu Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh…;

**2.7. Cây sầu riêng**

***Bệnh xì mủ***: Diện tích nhiễm 3.986 ha (tăng 7 ha so với kỳ trước, tăng 626 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 410 ha; phòng trừ trong kỳ 5.149 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Lâm Đồng, Khánh Hòa, Đắk Lắk, Đồng Nai, Sóc Trăng, Hậu Giang, Tiền Giang, Vĩnh Long, Bình Phước, Kiên Giang…

**2.8. Cây hồ tiêu**

***- Tuyến trùng***: Diện tích nhiễm 1.786 ha (giảm 28 ha so với kỳ trước, giảm 764 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 209 ha; phòng trừ trong kỳ 154 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Quảng Trị, Gia Lai, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Phước, Kiên Giang, Bình Dương…;

***- Bệnh chết chậm***: Diện tích nhiễm 1.513 ha (giảm 50 ha so với kỳ trước, giảm 473 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 101 ha; phòng trừ trong kỳ 222 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Quảng Trị, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Bình Thuận, Đồng Nai, Bình Phước, Kiên Giang, Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Dương,…;

***- Bệnh chết nhanh***: Diện tích nhiễm 88 ha (giảm 3 ha so với kỳ trước, giảm 332 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 03 ha; phòng trừ trong kỳ 22 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Quảng Trị, Gia Lai, Bình Phước, Kiên Giang, Đồng Nai, …

**2.9. Cây cà phê**

***- Bệnh khô cành***:Diện tích nhiễm 7.898 ha (giảm 1.219 ha so với kỳ trước, giảm 227 ha so CKNT), trong đó nhiễm nặng 45 ha; phòng trừ trong kỳ 5.620 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Quảng Trị, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Phước...;

***- Bệnh gỉ sắt:*** Diện tích nhiễm 6.214 ha (giảm 290 ha so với kỳ trước, giảm 1.019 ha so CKNT), trong đó nhiễm nặng 01 ha; phòng trừ trong kỳ 12.585 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Sơn La, Quảng Trị, Gia Lai, Lâm Đồng, Bình Phước, Đồng Nai, …

**2.10. Cây chè**

***Bọ xít muỗi***: Diện tích nhiễm 4.499 ha (tăng 186 ha so với kỳ trước, tăng 1.965 ha so với CKNT); phòng trừ trong kỳ 3.557 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Phú Thọ, Thái Nguyên, Yên Bái, Lâm Đồng, …;

**2.11. Cây sắn (khoai mì)**

***Bệnh khảm lá virus:*** Diện tích nhiễm 65.338 ha (giảm 605 ha với kỳ trước, tăng 3.483 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 10.708 ha, mất trắng 23 ha tại tỉnh Thanh Hóa; đã phòng trừ môi giới truyền bệnh trong kỳ 856 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Thanh Hoá, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Ngãi, Phú Yên, Quang Nam, Gia Lai, Khánh Hoà, Bình Thuận, Đắk Lắk, Tây Ninh, Đồng Nai, Bình Dương, Long An….;

**2.12. Cây điều**

***- Bọ xít muỗi***: Diện tích nhiễm 4.996 ha (giảm 92 ha so với kỳ trước, tăng 269 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 04 ha; phòng trừ trong kỳ 3.067 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh: Lâm Đồng, Gia Lai, Đắk Lắk, Bình Thuận, Khánh Hòa, Đồng Nai, Bình Phước, Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Dương…;

***- Bệnh thán thư:*** Diện tích nhiễm 4.423 ha (giảm 122 ha so với kỳ trước, giảm 1.155 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 101 ha; phòng trừ trong kỳ 2.905 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai, Bình Thuận, Đồng Nai, Bình Phước, Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Dương, …

**2.13. Cây tre, luồng, vầu, mét**

***Châu chấu tre:*** Châu chấu tre: Diện tích nhiễm 158 ha (cao hơn 123 ha so với kỳ trước, cao hơn 48 ha so với CKNT), phòng trừ 12 ha. Phân bố tại các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Sơn La, Điện Biên,..

Ngoài ra, châu chấu tre hại cỏ dại: Diện tích nhiễm 09 ha (thấp hơn 06 ha so với kỳ trước), đã phòng trừ 08 ha. Phân bố chủ yếu tại tỉnh Cao Bằng.

**III. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ**

**1. Dự báo SVGH chủ yếu trong kỳ tới**

***1.1. Trên cây Lúa***

1.1.1. Các tỉnh Bắc Bộ:

*- Rầy nâu, rầy lưng trắng:* rầy lứa 3 (chủ yếu rầy nâu) tiếp tục nở đến đầu tháng 6/2024 (do có sự gối lứa) và gây hại trên các trà lúa; có khả năng gây cháy ổ cục bộ trên trà lúa giai đoạn chắc xanh – đỏ đuôi, nhất là trên những giống lúa nhiễm rầy nặng.

*- Bệnh đạo ôn cổ bông:* Bệnh tiếp tục phát sinh gây hại trên các giống nhiễm, chủ yếu trên những diện tích lúa đã bị nhiễm đạo ôn lá nặng.

*- Sâu cuốn lá nhỏ:* Trưởng thành lứa 3 vũ hóa, sâu non nở gây hại trên những diện tích lúa trỗ muộn.

*- Sâu đục thân 2 chấm:* Sâu non gây bông bạc trên những diện tích lúa trỗ sau 20/5.

Ngoài ra, các đối tượng sinh vật gây hại khác như: *Bệnh bạc lá, bệnh đốm sọc vi khuẩn, bệnh khô vằn, chuột, bênh đen lép hạt, lúa cỏ, châu chấu,...* tiếp tục hại.

1.1.2. Các tỉnh Bắc Trung Bộ:

- Trên trà lúa Đông Xuân muộn: các đối tượng sinh vật gây hại cuối vụ như *rầy nâu, rầy lưng trắng, bệnh khô vằn, bệnh bạc lá, bệnh đốm sọc vi khuẩn, chuột,*... tiếp tục phát sinh và gây hại chủ yếu ở mức nhẹ - trung bình, hại nặng diện hẹp;

- Trên lúa gieo thẳng và mạ Hè Thu 2021: các đối tượng như *Ốc bươu vàng, chuột, bọ trĩ*,... sẽ phát sinh và gây hại tăng, mức độ hại phổ biến từ nhẹ - trung bình; *rầy nâu, rầy lưng trắng, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân 2 chấm*, ... phát sinh và gây hại nhẹ.

1.1.3. Các tỉnh Duyên Hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên

Lúa Đông Xuân 2023 – 2024 về cơ bản thu hoạch xong, tình hình SVGH không đáng kể;

Trên lúa Hè Thu sớm: *Sâu đục thân 2 chấm*, *rầy lưng trắng, bệnh đạo ôn lá,..*… tiếp tục hại phổ biến từ nhẹ đến trung bình; *Chuột* tiếp tục gây hại trên các trà lúa, đặc biệt gây hại giống gieo lúa Hè Thu; *Ốc bươu vàng* lây lan theo nguồn nước và gây hại rải rác lúa Hè Thu giai đoạn xuống giống - mạ.

1.1.4. Các tỉnh Nam Bộ

*- Rầy nâu:* trên đồng ruộng phổ biến tuổi trưởng thành mang trứng, rầy trưởng thành di trú kéo dài đến khoảng 28/5; tiếp tục gây hại phổ biến ở mức nhẹ - trung bình trên lúa giai đoạn đẻ nhánh- đòng trỗ. Khuyến cáo thăm đồng thường xuyên theo dõi chặt chẽ diễn biến của rầy trên đồng để có biện pháp quản lý hiệu quả.

*- Bệnh đạo ôn:* tiếp tục gia tăng diện tích nhiễm trên lúa giai đoạn đẻ nhánh đến đòng trỗ, nhất là những ruộng gieo trồng giống nhiễm, sạ dày, bón thừa phân đạm.

*- Ốc bươu vàng:* tiếp tục phát triển và gia tăng diện tích gây hại do thời tiết thời gian tới mưa nhiều, đặc biệt đặc biệt trên những chân ruộng thấp trũng, khó thoát nước. Chú ý theo dõi đối tượng này, khuyến cáo áp dụng các biện pháp canh tác để diệt trừ.

Ngoài ra, cần chú ý: *bệnh bạc lá vi khuẩn* gây hại trên trà lúa giai đoạn đẻ nhánh- làm đòng, *bệnh đen lép hạt* gây hại trên lúa giai đoạn trỗ - chín.

***1.2. Trên cây trồng khác***

- **Trên cây ngô**: *Sâu keo mùa thu, sâu xám...* phát sinh và gây hại tăng trên ngô Hè Thu, mưc độ hại phổ biến ở mức nhẹ- trung bình; *Sâu đục thân, bệnh khô vằn, bệnh đốm lá, chuột,...* tiếp tục hại.

**- Trên cây rau, màu**: *Sâu xanh*; *bọ nhảy, sâu khoang, rệp, bọ trĩ, bệnh sương mai*,... gây hại phổ biến ở mức nhẹ đến trung bình; *bệnh gỉ sắt, héo xanh* gây hại gia tăng trên lạc xuân tại các tỉnh vùng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ.

**- Cây ăn quả có múi**: *Rệp muội, sâu vẽ bùa, nhện đỏ, ...* phát sinh gây hại tăng*; bệnh chảy gôm, bệnh vàng lá thối rễ, bệnh greening,...* tiếp tục phát sinh và gây hại mạnh tại các vùng chuyên canh, chăm sóc kém.

**- Cây nhãn, vải:** *Bệnh chổi rồng nhãn* tiếp tục phát sinh gây hại tại các tỉnh phía Nam; *Sâu đục cuống quả ....* hại tăng, bệnh thán thư, bệnh sương mai,... tiếp tục hại.

**- Cây chè**: *Rầy xanh, bọ xít muỗi, bọ cánh tơ, nhện đỏ, bệnh phồng lá*... tiếp tục phát sinh gây hại, mức độ hại phổ biến từ nhẹ - trung bình, cục bộ hại nặng.

**- Cây sắn**: *Bệnh khảm lá* tiếp tục lây lan trên sắn vụ mới đang ở giai đoạn cây con – phát triển thân lá, chủ yếu tại bệnh tại các vùng trồng sắn khu vực miền Trung và phía Nam.

**- Cây cà phê:** *Rệp sáp* phát sinh và gây hại tăng; *bọ xít muỗi*, *bệnh khô cành, bệnh gỉ sắt*,...tiếp tục hại.

**- Cây hồ tiêu**: *Bệnh chết nhanh, bệnh chết chậm, tuyến trùng rễ, rệp các loại,*... tiếp tục hại.

- **Cây điều**: *Bọ xít muỗi, bệnh thán thư, sâu đục thân/cành ....* tiếp tục phát sinh và gây hại tăng trong điều kiện thời tiết thuận lợi hiện nay, hại nặng cục bộ.

- **Cây thanh long***:* *Bệnh đốm nâu, bệnh thán thư, rệp sáp,*...tiếp tục gây hại trên các vườn thanh long.

- **Cây dừa***: Bọ cánh cứng, sâu đầu đen* có khả năng gia tăng diện tích nhiễm trong thời gian tới, nhất là trên những diện tích vườn dừa cao, lâu năm, khó khăn trong việc chăm sóc cũng như thực hiện các biện pháp phòng, chống.

**- Cây sầu riêng:** *Bệnh xì mủ* có khả năng gia tăng diện tích nhiễm, nhất là trên những vườn chăm sóc kém, không thoát nước tốt.

***- Cây lâm nghiệp:*** *Châu chấu tre* tiếp tục nở,mật độ tăng và tiếp tục hại tre, luồng, vầu,... tại khu vực châu chấu sinh sản hàng năm thuộc các tỉnh Cao Bằng, Sơn La, Điện Biên, Bắc Kan; *Sâu róm thông bệnh rơm lá thông, bệnh chết héo cây keo,...* tiếp tục phát sinh và gây hại cục bộ.

**2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong kỳ tới**

- Chỉ đạo các tỉnh Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ: tiếp tục theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết và sự phát sinh, phát triển của các đối tượng sinh vật gây hại chính trên lúa Đông Xuân 2023-2024 cuối vụ hiện nay như *rầy nâu, rầy lưng trắng, bệnh đạo ôn cổ bông, bệnh khô vằn, bệnh bạc lá, bệnh đốm sọc vi khuẩn*,… phát hiện sớm và chủ động phòng chống ở những nơi có mật độ sâu, tỷ lệ bệnh hại cao; chủ động thu bắt nguồn *rầy lưng trắng* trong bẫy đèn và trên đồng ruộng để giám định virus Lùn sọc đen. Theo dõi chặt chẽ diễn biến của châu chấu tre khi châu chấu non bắt đầu nở; xác định khu vực châu chấu tre nở, co cụm, đẻ trứng (chủ yếu tại các khu vực có châu chấu tre gây hại từ những năm trước và các khu vực giáp biên giới với Lào) và tổ chức phòng trừ kịp thời tại các khu vực châu chấu tập trung khu trú.

- Chỉ đạo các tỉnh trồng lúa khu vực DHNTB-Tây Nguyên và Nam Bộ tiếp tục theo dõi chặt chẽ diễn biến của các đối tượng SVGH chính trên lúa Hè Thu để chủ động các biện pháp phòng chống.

- Chỉ đạo các tỉnh Tây Nguyên, Đông Nam Bộ: tiếp tục nắm chắc diễn biến tình hình và chủ động biện pháp phòng chống các đối tượng sinh vật gây hại chính như: *bệnh chết nhanh, chết chậm* và *tuyến trùng rễ* hại trên cây hồ tiêu; *rệp, bệnh khô cành, bệnh gỉ sắt,*.. hại trên cây cà phê; *bọ xít muỗi và bệnh thán thư* hại trên cây điều; *bệnh nứt, thân xì mủ* trên cây sầu riêng, *bệnh đốm nâu* hại Thanh Long.

- Chỉ đạo các Trung tâm BVTV vùng, các tỉnh tiếp tục thực hiện tốt công văn số 106/BVTV-TV ngày 19/01/2024 của Cục Bảo vệ thực vật về việc thực hiện các quy định về điều tra phát hiện SVGH cây trồng và công văn số 944/BVTV-TV ngày 01/6/2020 của Cục BVTV về báo cáo định kỳ.

- Chỉ đạo các tỉnh thực hiện tốt Chỉ thị số 1900/CT-BNN-BVTV ngày 15/3/2024 của Bộ NN&PTNT về việc tổ chức thực hiện công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất.

- Chỉ đạo các tỉnh trồng ngô tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống *sâu keo mùa thu hại ngô*. Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu keo mùa thu hại ngô, áp dụng Quy trình kỹ thuật phòng, chống sâu keo mùa thu do Bộ NN&PTNT ban hành trong công văn số 218/QĐ-BNN-BVTV ngày 16/01/2020.

- Chỉ đạo các tỉnh trồng sắn tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn.

- Chỉ đạo các tỉnh thực hiện tốt thực hiện Công văn số 2213/BVTV-TV ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Cục Bảo vệ thực vật về việc hướng dẫn biện pháp quản lý lúa cỏ (lúa ma).

- Chỉ đạo các tỉnh tiếp tục điều tra, phát hiện và chủ động biện pháp phòng chống sinh vật gây hại trên cây lâm nghiệp ./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Lãnh đạo Cục BVTV (để b/c);  - Phòng KH-TH, HTQT&TT (đưa website Cục);  - Trung tâm BVTV vùng;  - Trung tâm tin học thống kê của Bộ;  - Báo NNVN; Đài VTC16;  - Lưu: VT, BVTV. | **KT. CỤC TRƯỞNG**  **PHÓ CỤC TRƯỞNG**    **Nguyễn Quý Dương** |

**TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỄM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY TRỒNG CHỦ LỰC TRONG KỲ**

| **Stt** | **Tên SVGH** | **DTN (ha)** | | | | **DTN so với** | | **Phòng trừ** | **Phân bố** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhẹ-TB** | **Nặng** | **Mất trắng** | **Tổng** | **Kỳ trước** | **CKNT** |
| **I** | **Cây lúa** | | | | | | | | |
| 1 | Đạo ôn lá | 7.338 | 0 | 0 | 7.338 | 2.793 | -2.461 | 1.876 | B.Thuận, AG, ST, HG, VL, LA, KG |
| 2 | Đạo ôn cổ bông | 1.563 | 4 | 0 | 1.567 | 1.428 | 52 | 51.254 | TB, HY, TN, BL, ĐT, TG, KG, HG, CT |
| 3 | Rầy hại lúa | 25.884 | 1.713 | 0 | 27.597 | -3.448 | 23.636 | 31.875 | NĐ, TB, Hà Nam, TH, TG, ĐT, ĐN, AG, LA, HG |
| 4 | Sâu đục thân 2 chấm | 1.229 | 0 | 0 | 1.229 | 208 | -185 | 1.285 | BG, YB, Hà Nội, K.Hòa, B.Thuận, ST, HG, LA, BL, TG, KG |
| 5 | Sâu cuốn lá nhỏ | 8.431 | 810 | 0 | 9.241 | -47.173 | 3.349 | 61.083 | BG, NĐ, QN, AG, ST, VL, ĐT, TN, HG |
| 6 | Bệnh bạc lá | 1.745 | 48 | 0 | 1.793 | -769 | 652 | 6.867 | BG, BN, ĐB, TH, VL, BL, ĐT, AG, TG, TN |
| 7 | Bệnh đen lép hạt | 2.236 | 0 | 0 | 2.236 | 360 | -477 | 206 | ĐB, Hà Nội, BG, ĐT, KG, AG, HG, TG, CT |
| 8 | Chuột hại lúa | 8.914 | 112 | 0 | 9.026 | 156 | -2.847 | 1.007 | TB, Hà Nội, BG, QB, QT, TTH, B.Thuận, K.Hòa, Q.Ngãi, B.Định, AG, HG, BL, ST, VL, ĐT |
| 9 | Ốc bươu vàng | 8.332 | 4 | 0 | 8.336 | 6.702 | 23 | 7.170 | NA,QB,QT,TTH, B.Thuận, Q.Ngãi, K.Hòa, B.Định, P.Yên, BL, LA, HCM, ST, ĐT, ĐN |
| 10 | Bệnh khô vằn | 57.247 | 3.347 | 0 | 60.594 | -7.467 | 32.137 | 110.498 | Hà Nam, BG, TB, TH, VL, HCM, HG |
| 11 | Bọ trĩ | 978 | 0 | 0 | 978 | -768 | -2.381 | 360 | B.Định, Q.Ngãi, AG, TN, ST, ĐT, HCM, KG |
| **II** | **Cây trồng khác** | | | | | | | | |
| 1 | Chổi rồng nhãn | 342 | 37 | 0 | 379 | 2 | -254 | 39 | BP, VL, ST, TV, TG, BT, TN, HG,… |
| 2 | Bệnh vàng lá thối rễ cây có múi | 810 | 20 | 0 | 830 | -9 | -127 | 360 | TQ, HB, NA, HG, TG, ST, VL, TV, BRVT |
| 3 | Bệnh Greening | 604 | 35 | 5 | 644 | 15 | -123 | 53 | NA, VL, HG, ST, TV,… |
| 4 | Đốm nâu thanh long | 1.016 | 0 | 0 | 1.016 | 577 | -1.436 | 2.810 | B.Thuận, TG, LA, TV, BRVT |
| 5 | Bọ cánh cứng hại dừa | 5.956 | 68 | 0 | 6.024 | -12 | -2.143 | 361 | BT, ST, KG, TG, TV, CM, VL, BL, HG |
| 6 | Sâu đầu đen hại dừa | 546 | 21 | 0 | 568 | -12 | 50 | 2.304 | BT, TV, TG, ST, VL |
|  | Bệnh xì mủ hại sầu riêng | 3.576 | 410 | 0 | 3.986 | 7 | 626 | 5.149 | L.Đồng, K.Hòa, ĐN, ST, HG, TG, VL, BP, KG |
| 7 | Tuyến trùng hại tiêu | 1.577 | 209 | 0 | 1.786 | -28 | -764 | 154 | QT, G.Lai, L.Đồng, ĐN, BP, KG, BD |
| 8 | Chết chậm hại tiêu | 1.411 | 101 | 0 | 1.513 | -50 | -473 | 222 | QT, G.Lai, Đ.Lăk, L.Đồng, B.Thuận, ĐN, BP, KG, BRVT, BD |
| 9 | Chết nhanh hại tiêu | 85 | 3 | 0 | 88 | -3 | -332 | 22 | QT, G.Lai, BP, KG, ĐN |
| 10 | Bệnh khô cành cà phê | 7.853 | 45 | 0 | 7.898 | -1.219 | -227 | 5.620 | Điện Biên, QT, G.Lai, Đ.Lăk, L.Đồng, ĐN, BP |
| 11 | Gỉ sắt cà phê | 6.213 | 1 | 0 | 6.214 | -290 | -1.019 | 12.585 | Điện Biên, QT, G.Lai, L.Đồng, BP, ĐN |
| 12 | Bọ xít muỗi hại điều | 4.992 | 4 | 0 | 4.996 | -92 | 269 | 3.067 | L.Đồng, G.Lai, Đ.Lăk, B.Thuận, K.Hòa, ĐN, BP, BD, BRVT |
| 13 | Bệnh thán thư hại điều | 4.322 | 101 | 0 | 4.423 | -122 | -1.155 | 2.905 | L.Đồng, Đ.Lăk, G.Lai, B.Thuận, K.Hòa, ĐN, BP, BRVT, BD |
| 14 | Bọ xít muỗi hại chè | 4.499 | 0 | 0 | 4.499 | 186 | 1.965 | 3.557 | TN, Lai Châu, Phú Thọ, L.Đồng |
| 15 | Bệnh khảm lá sắn (mì) | 54.608 | 10.708 | 23 | 65.338 | -605 | 3.483 | 856 | TH, NA, QB, QT, HP.Yên, Q.Ngãi, Q.Nam, G.Lai, K.Hòa, B.Thuận, Đ.Lăk, TN, ĐN, BD, LA |
| 16 | Sâu keo mùa thu hại ngô | 342 | 0 | 0 | 342 | 106 | 28 | 326 | BN, Lai Châu, YB, NA, HT, L.Đồng, P.Yên, Đ.Lăk, Đồng Nai |